

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Hoàng Lam

+ Bà Lê Thị Linh Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 100 ấp R, xã Vĩnh T, huyện Tân H, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Đình D1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp Trung M, xã Thái Bình T, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 11 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày trình bày:

Sau thời gian quen biết, bà và ông Võ Đình D1 quyết định tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức đám cưới, ngày 08/11/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình T, huyện V, tỉnh Long An. Sau khi cưới ông bà sinh sống tại ấp Rừng L, xã Vĩnh T, huyện Tân H, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có hạnh phúc nên ông Duy đã về nhà cha ruột ở ấp Trung M, xã Thái Bình T, huyện V, tỉnh Long An sinh sống từ

tháng 02/2022 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông Võ Đình D1 có 01 con chung tên Võ Trương Thiện N (nam) sinh ngày 21/7/2018 hiện đang sống chung với bà, bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Giữa bà và ông D1 có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà và ông D1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo từng thời điểm từ tháng 01/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản, khẳng định giữa bà và ông D1 không có tài sản chung.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Võ Đình Duy không thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Võ Đình D1 có nơi cư trú tại ấp Trung M, xã Thái Bình T, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Võ Đình D1 được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D1.

[3] Về hôn nhân: Giữa bà Trương Thị D và ông Võ Đình D1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình T, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[4] Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Võ Đình D1 không tham gia phiên hòa giải mà không có lý do, đã thể hiện ý chí không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và bà Trương Thị D cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trương Thị D và ông Võ Đình D1 là có thật và thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị D.

[5] Về con chung: Bà Trương Thị D và ông Võ Đình D1 có 01 con chung tên Võ Trương Thiện N (nam) sinh ngày 21/7/2018 hiện đang sống với bà

D nên cần giao cháu N cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo từng thời điểm là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về tài sản: Bà Trương Thị D cho rằng giữa bà và ông Võ Đình D1 không có tài sản chung nhưng ông D1 không thể hiện ý kiến nên Tòa án không xem xét.

[8] Về nợ: Bà Trương Thị D cho rằng giữa bà và ông Võ Đình D1 không có nợ chung nhưng ông D1 không thể hiện ý kiến nên Tòa án không xem xét.

[9] Về án phí: Bà Trương Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình. Ông Võ Đình D1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D về việc xin ly hôn với ông Võ Đình D1.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị D được ly hôn với ông Võ Đình D1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Trương Thiện N (nam) sinh ngày 21/7/2018 cho bà Trương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Võ Đình D1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo từng thời điểm từ tháng 01/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian cấp dưỡng với mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Trương Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003816 ngày 29/11/2022 sang tiền án phí.

Buộc ông Võ Đình D1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh H;
- CCTHADS huyện Vĩnh H;
- UBND xã Thái Bình T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The